

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **106/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 24 - 12 - 2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trương và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2021/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Trúc L**, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 9, Ấp Y, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Hồng G**, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã H T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 9, Ấp Y, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Trúc L trình bày:

Bà và ông Phạm Hồng G tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 2011 và đến năm 2012 thì bà mang thai cháu Phạm Khôi N và đến năm 2013 thì gia đình có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống chung cho đến năm 2018 thì tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã H T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2018. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không hòa hợp, thường nảy sinh mâu thuẫn, chửi bới, xúc phạm nhau. Ngoài ra, bà L còn phát hiện ra ông G ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Trong thời gian sống

ly thân, cứ mỗi lần ông G về nhà là vợ chồng xảy ra cãi vã. Do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hồng G.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông G có 03 (ba) con chung là: Phạm Khôi N, sinh ngày 10/11/2012, Phạm Tú Q, sinh ngày 13/12/2016 và Phạm Hồng H, sinh ngày 24/08/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ để trình bày ý kiến của mình và cũng không tham gia phiên hòa giải. Vì vậy, Tòa án không thể hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình và quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp, cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Ngọc Trúc L được ly hôn với ông Phạm Hồng G; về con chung: Giao các cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 10/11/2012, Phạm Tú Q, sinh ngày 13/12/2016 và Phạm Hồng H, sinh ngày 24/08/2019 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: Bà L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Hồng G cư trú tại Ấp 5, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chi được ly hôn với ông G và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà L khởi kiện đối với ông G. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà L là nguyên đơn, ông G là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Ông G và bà L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà L yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình chuẩn bị xét xử thể hiện: Trong thời gian sống chung, bà L và ông G không quan tâm đến nhau; vợ chồng không hòa hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, cự cãi với nhau; từ đầu năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà L khởi kiện, ông G đã biết được việc Tòa án thụ lý vụ án, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, cho thấy ông G không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau và cũng không đưa ra ý kiến gì phản đối việc bà L yêu cầu ly hôn với mình.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 03 (ba) con chung là Phạm Khôi N, sinh ngày 10/11/2012, Phạm Tú Q, sinh ngày 13/12/2016 và Phạm Hồng H, sinh ngày 24/08/2019. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con; ông G không gửi ý kiến, yêu cầu của mình và cũng không phản đối yêu cầu của bà L.

Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng; bản thân bà L có công việc và thu nhập ổn định, đủ đảm bảo điều kiện nuôi con; các con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo từ người mẹ và để

tránh xáo trộn trong cuộc sống của các con chung. Vì vậy, giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Bà L không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc chia tài sản chung nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn về việc giải quyết nợ chung nên khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Trúc L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Trúc L được ly hôn với ông Phạm Hồng G.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 03 (ba) con chung là Giao các cháu Phạm Khôi N, sinh ngày 10/11/2012, Phạm Tú Q, sinh ngày 13/12/2016 và Phạm Hồng H, sinh ngày 24/08/2019. Giao cả 03 (ba) con chung cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà L không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không ghi nhận được yêu cầu của đương sự về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không giải quyết. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Trúc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004007 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bà L đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Đề thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã H T, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam